

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

Số: 63 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 03 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Công ty TNHH RENEN số 1912/RENEN ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; Văn bản số 2105/CV-MTT ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2198/TTr-SNNMT-CCBVMT ngày 28 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH RENEN, địa chỉ văn phòng: L14, đường số 10, An Cựu City, phường An Đông, quận Thuận Hóa, thành phố Huế

được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

- 1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất viên nén năng lượng.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Hương Phú, xã Hương Phú, huyện Phú Lộc, thành phố Huế.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp: 3301632255 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Huế cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2018, thay đổi lần thứ 04 ngày 24 tháng 01 năm 2025.
- 1.4. Mã số thuế: 3301632255.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: sản xuất viên nén năng lượng.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:
 - Diện tích nhà máy: 32.440,1 m².
 - Công suất của dự án: 08 tấn/giờ, tương ứng với công suất 50.000 tấn/năm (theo Quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh số 682/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2021 của UBND thành phố Huế).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH RENEN có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công ty TNHH RENEN;
- UBND huyện Phú Lộc;
- UBND xã Hương Phú;
- Cổng Thông tin điện tử UBND thành phố;
- Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 63/GPMT-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải từ bồn xí, bồn tiểu.
- Nguồn số 02: nước thải từ nhà ăn.

* Hoạt động sản xuất viên nén không phát sinh nước thải và bãi chứa nguyên, vật liệu được bố trí phương án che, chắn nước mưa nên các hoạt động này không phát sinh nước thải cần xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: nước thải sau xử lý tại bể tự hoại cải tiến 05 ngăn sẽ được xả ra mương hội thủy phía Đông Nam của dự án, sau đó đổ vào sông Thượng Lộ đoạn chảy qua thị trấn Khe Tre, huyện Phú Lộc, thành phố Huế.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Thượng Lộ đoạn chảy qua thị trấn Khe Tre, huyện Phú Lộc, thành phố Huế.

2.2.1. Vị trí xả nước thải: mương nước hội thủy nằm phía Đông Nam của dự án; tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰): X (m): 1.791.722; Y (m): 576.197.

2.2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 3,6 m³/ngày (24 giờ).

2.2.2.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả mặt.

2.2.2.2. Chế độ xả thải: gián đoạn.

2.2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải:

* Chất lượng nước thải sau khi qua công trình xử lý nước thải:

Stt	Chất ô nhiễm	Đvt	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT (giá trị C_{max} , cột A, K=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅	mg/l	36		
3	TSS	mg/l	60		
4	TDS	mg/l	600		
5	Sunfua	mg/l	1,2		
6	Amoni	mg/l	6		
7	Nitrat	mg/l	36		
8	Phosphat	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

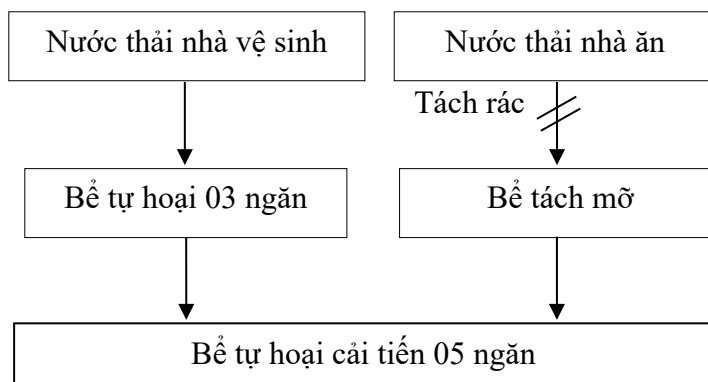
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải

- Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn (đặt âm dưới sàn nhà vệ sinh) thông qua ống uPVC D90 có chiều dài khoảng 20m thu gom về bể tự hoại 05 ngăn để xử lý.

- Nước thải từ nhà ăn được tách rác và đi qua bể tách dầu mỡ sau đó theo đường ống uPVC D90 dài khoảng 50m thu gom về bể tự hoại cải tiến 05 ngăn để xử lý. Sơ đồ thu gom nước thải của dự án:

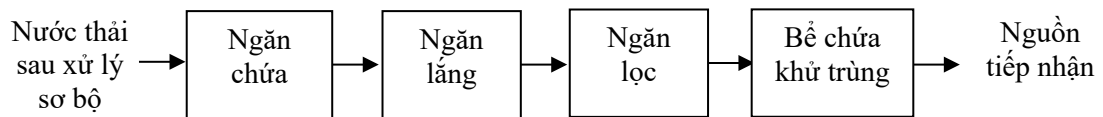


1.2. Mạng lưới thoát nước thải, điểm xả nước thải sau xử lý

- Nước thải sau xử lý được dẫn bằng ống nhựa PVC dài khoảng 50m ra mương hội thủy phía Đông Nam của dự án.
- Điểm xả nước thải sau xử lý:
 - + Vị trí xả nước thải: mương hội thủy phía Đông Nam của dự án.
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải theo tọa độ VN-2.000 (kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3°): X (m): 1.791.722; Y (m): 576.197.

1.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ sẽ đi vào bể tự hoại 05 ngăn để xử lý triệt để các chất bẩn có trong nước thải trước khi xả ra môi trường. Bể được xây dựng nằm bên cạnh khu vực nhà vệ sinh với kích thước hiệu dụng: 3,6m x 1,4m x 1,4m (khoảng 7,05 m³). Vật liệu xây dựng bể là bê tông cốt thép. Công nghệ xử lý nước thải được trình bày tại sơ đồ sau:



* Công nghệ xử lý, thuyết minh quy trình công nghệ:

Bể tự hoại cải tiến 05 ngăn là bể phản ứng kỵ khí sử dụng các vách ngăn mỏng, ngăn lọc kỵ khí giúp điều hòa lưu lượng, nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải để ngăn chất thải lắng đọng, tạo môi trường thuận lợi cho các vi khuẩn kỵ khí có ích trong từng giai đoạn tăng thời gian lưu bùn.

Đầu tiên nước thải được đưa tới ngăn chứa, sau đó nước thải được đưa qua ngăn lắng số 1 giúp cho việc tạo dòng chảy, điều hòa dung lượng và nồng độ chất thải, làm lắng đọng lại chất thải, lên men kỵ khí. Ở ngăn lắng tiếp theo, nước thải được chuyển động theo chiều từ dưới lên trên sẽ tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí hấp thụ và chuyển hóa giúp chúng phát triển. Tại 2 ngăn lắng cuối cùng của bể thì các vi sinh vật kỵ khí sống nhờ dính bám vào bề mặt các hạt vật liệu lọc sẽ ngăn cản lơ lửng trôi ra theo nước làm sạch nước thải. Tiếp đến nước thải chảy qua ngăn bể chứa khử trùng, tại đây nước thải được khử trùng bằng hóa chất: viên nén clo.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C_{max}, cột A, K=1,2) sẽ theo đường ống uPVC D90 đi ngầm dưới đất xả ra nguồn tiếp nhận.

Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại 05 ngăn định kỳ sẽ được Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

* Kích thước và thể tích các bể xử lý:

Stt	Hạng mục	Kích thước (DxRxH)
1	Ngăn chứa	- 01 ngăn - Kích thước: 1,4m x 1,0m x 1,4m - Vật liệu: bê tông cốt thép
2	Ngăn lắng	- 02 ngăn - Kích thước mỗi ngăn: 1,4m x 0,5m x 1,4m - Vật liệu: bê tông cốt thép
3	Ngăn lọc kỵ khí	- 02 ngăn - Kích thước mỗi ngăn: 1,4m x 0,5m x 1,4m - Vật liệu: bê tông cốt thép
4	Bể chứa khử trùng	- Kích thước: 0,7m x 0,6m x 1,4m - Vật liệu: bê tông cốt thép
5	Hố ga thu bùn ngăn lọc	- Kích thước: 0,6m x 0,6m x 1,4m - Vật liệu: bê tông cốt thép

1.4. Công trình thoát nước thải

- Nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C_{max} , cột A, K=1,2).

- Nước thải sau xử lý được dẫn bằng ống nhựa PVC dài khoảng 50m ra mương hội thủy phía Đông Nam của dự án.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 63/GPMT-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2025
của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: khí thải phát sinh tại công đoạn nghiền thô.
- Nguồn số 02: khí thải phát sinh tại công đoạn sấy.
- Nguồn số 03: khí thải phát sinh tại công đoạn nghiền tinh.
- Nguồn số 04: khí thải phát sinh tại công đoạn ép viên.
- Nguồn số 05: khí thải phát sinh tại công đoạn làm mát và sàng viên.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Dự án có 05 dòng khí thải, tổng lượng xả khí thải tối đa: 115.700 m³/giờ, bao gồm:

2.1. Dòng khí thải số 01: khí thải sau khi qua công trình xử lý tại khu vực công đoạn nghiền thô.

2.1.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰):
+ Ống thải tại khu vực công đoạn nghiền thô (ống thải 01): X (m): 1.791.809; Y (m): 576.109.

2.1.1.1. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 14.600 m³/giờ.

2.1.1.2. Phương thức xả khí thải: cưỡng bức.

2.1.1.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C_{max}, cột B, K_p=0,8, K_v=1,0), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (giá trị C _{max} , cột B, K _p =0,8, K _v =1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/m ³	160	03	Không

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
2	CO	mg/m ³	800	tháng/lần	thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
3	SO ₂	mg/m ³	400		
4	NO ₂	mg/m ³	680		

2.2. Dòng khí thải số 02: khí thải sau khi qua công trình xử lý tại khu vực công đoạn sấy.

2.2.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰):
- + Ống thải tại khu vực công đoạn sấy (ống thải 02): X (m): 1.791.794; Y (m): 576.094.

2.2.1.1. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 71.600 m³/giờ.

2.2.1.2. Phương thức xả khí thải: cưỡng bức.

2.2.1.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/m ³	160	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	CO	mg/m ³	800		
3	SO ₂	mg/m ³	400		
4	NO ₂	mg/m ³	680		

2.3. Dòng khí thải số 03: khí thải sau khi qua công trình xử lý tại khu vực công đoạn nghiền tinh.

2.3.1 Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰):
- + Ống thải tại khu vực công đoạn nghiền tinh (ống thải 03): X (m): 1.791.810; Y (m): 576.083.

2.3.1.1. *Lưu lượng xả khí thải tối đa:* 10.600 m³/giờ.

2.3.1.2. *Phương thức xả khí thải:* cưỡng bức.

2.3.1.3. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:*

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/m ³	160	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	CO	mg/m ³	800		
3	SO ₂	mg/m ³	400		
4	NO ₂	mg/m ³	680		

2.4. *Dòng khí thải số 04:* khí thải sau khi qua công trình xử lý tại khu vực công đoạn ép viên.

2.4.1 *Vị trí xả khí thải*

- Vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰):
+ Ống thải tại khu vực công đoạn ép viên (ống thải 04): X (m): 1.791.796;
Y (m): 576.072.

2.4.1.1. *Lưu lượng xả khí thải tối đa:* 13.800 m³/giờ.

2.4.1.2. *Phương thức xả khí thải:* cưỡng bức.

2.4.1.3. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:*

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/m ³	160	03	Không

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
2	CO	mg/m ³	800	tháng/lần	thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
3	SO ₂	mg/m ³	400		
4	NO ₂	mg/m ³	680		

2.5. Dòng khí thải số 05: khí thải sau khi qua công trình xử lý tại khu vực công đoạn làm mát và sàng viên.

2.5.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰):
+ Ống thải tại khu vực công đoạn làm mát và sàng viên (ống thải 05): X (m): 1.791.775; Y (m): 576.071.

2.5.1.1. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 5.100 m³/giờ.

2.5.1.2. Phương thức xả khí thải: cưỡng bức.

2.5.1.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/m ³	160	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	CO	mg/m ³	800		
3	SO ₂	mg/m ³	400		
4	NO ₂	mg/m ³	680		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

- Tại công đoạn nghiền thô: lắp đặt 02 cyclone khô loại $\varnothing 1.600$ (kích thước $R \times H = 1,6 \times 3,35m$) nối tiếp nhau để xử lý bụi từ công đoạn nghiền thô, không khí sau khi được xử lý sẽ thông qua quạt hút và ống thải 01 để xả ra môi trường.

- Tại công đoạn sấy: nguyên liệu đốt được cấp vào lò đốt, quạt hút giúp hút không khí từ bên ngoài vào lò cung cấp oxy duy trì sự cháy và đồng thời sản sinh nhiệt, hỗn hợp khí nhiệt độ cao sinh ra từ sự cháy (khí nóng) sẽ thông qua quạt hút để đưa không khí nóng vào lò sấy để làm khô liệu (trong lò sấy), sau đó hỗn hợp liệu và không khí được hút vào cyclone, công đoạn này có lắp đặt 02 cyclone khô loại $\varnothing 1.900$ (kích thước $R \times H = 1,9 \times 5,5m$) nối tiếp nhau. Tại cyclone, nguyên liệu bị va đập vào thành cyclone nên bị mất động năng và sau đó sẽ rơi xuống đáy cyclone và thông qua thiết bị chuyên dụng để đưa sang công đoạn sản xuất tiếp theo, còn không khí (sau khi đã tách khỏi nguyên liệu) sẽ thông qua quạt hút và ống thải 02 để xả ra môi trường.

- Tại công đoạn nghiền tinh: lắp đặt 01 cyclone khô $\varnothing 1.600$ (loại kích thước $R \times H = 1,6 \times 3,35m$) nối tiếp với 01 thiết bị lọc bụi có túi vải (cyclone có túi lọc bụi, 55 túi) để thu hồi bụi đã được xử lý tại các cyclone khác (của công đoạn ép viên; làm mát, sàng viên) để làm nguyên liệu cho máy nghiền tinh, không khí sau khi được xử lý sẽ thông qua quạt hút để xả ra môi trường theo ống thải 03.

- Tại công đoạn ép viên: lắp đặt 01 cyclone khô loại $\varnothing 1.600$ (kích thước $R \times H = 1,6 \times 3,35m$) nối tiếp với 01 thiết bị lọc bụi có túi vải (cyclone có túi lọc bụi, 64 túi) để tách nguyên liệu được hút đến từ máy nghiền tinh, nguyên liệu sau lắng sẽ xả vào máy ép viên để tạo viên nén, còn không khí sau khi được xử lý sẽ thông qua quạt hút để xả ra môi trường theo ống thải 04. Ngoài ra, tại mỗi máy ép viên được lắp đặt ống hút để dẫn bụi qua 01 cyclone khô loại $\varnothing 1.900$ (kích thước $R \times H = 1,9 \times 5,5m$) và 01 cyclone khô loại $\varnothing 1.600$ (kích thước $R \times H = 1,6 \times 3,35m$) nối tiếp nhau, khí thải sau xử lý sẽ thông qua quạt đẩy về nhà xử lý bụi để tiếp tục xử lý, còn bụi thu hồi được xả về hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nghiền tinh để được xử lý tái sử dụng làm nguyên liệu cho máy nghiền tinh.

Trên băng tải vận chuyển viên nén từ máy ép viên sang công đoạn làm mát, bố trí 01 chụp hút, ống hút để dẫn bụi qua 01 cyclone khô loại $\varnothing 1.900$ (kích thước $R \times H = 1,9 \times 5,5m$) và 01 cyclone khô loại $\varnothing 1.600$ (kích thước $R \times H = 1,6 \times 3,35m$) nối tiếp nhau, khí thải sau xử lý sẽ thông qua quạt đẩy về nhà xử lý bụi để tiếp tục xử lý, còn bụi thu hồi được xả về hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nghiền tinh để được xử lý tái sử dụng làm nguyên liệu cho máy nghiền tinh.

- Tại công đoạn làm mát và sàng viên: trên máy làm mát và máy sàng viên, bố trí các chụp hút, ống hút để dẫn bụi qua 01 cyclone khô loại $\varnothing 1.900$ (kích thước $R \times H = 1,9 \times 5,5m$) và 01 cyclone khô loại $\varnothing 1.600$ (kích thước $R \times H = 1,6 \times 3,35m$) nối tiếp nhau, khí thải sau xử lý sẽ thông qua quạt đẩy về nhà xử lý bụi để tiếp tục xử lý.

lý, còn bụi thu hồi được xả về hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nghiền tinh để được xử lý tái sử dụng làm nguyên liệu cho máy nghiền tinh.

* Tại cyclone dưới tác dụng của lực ly tâm một lượng lớn bụi được tách ra và chứa tại thùng chứa (đặt dưới các cyclone). Lượng bụi xử lý từ các cyclone, túi lọc bụi và nhà xử lý bụi sẽ theo hệ thống thiết bị và ống dẫn để sử dụng (hoặc tái sử dụng) làm nguyên liệu sản xuất.

Nhà xử lý bụi có kích thước LxBxH: 9,9m x 4,4m x 5,0m, trên trần nhà bố trí 10 đầu phun sương nhằm tạo môi trường độ ẩm cao, các hạt bụi khi tiếp xúc với hạt sương nhân tạo sẽ rơi xuống nền nhà xử lý bụi, không khí sau xử lý sẽ theo ống thải 05 xả ra môi trường. Còn bụi rơi xuống sàn nhà sẽ được công nhân thu gom định kỳ 1-3 tháng/lần đưa về lò đốt để làm nguyên liệu đốt.

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$) trước khi thông qua các ống thải xả ra ngoài môi trường.

* Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý bụi trình bày tại bảng sau:

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Thông số/công suất	Thương hiệu/xuất xứ	Số lượng (bộ)
I	Công đoạn nghiền thô			
1	Cyclone ø1.600	- Chung loại: cyclone khô - Kích thước: RxH = 1,6mx3,35m - Vật liệu: thép CT3 dày 4mm - Cửa thăm và làm vệ sinh túi: 0,8x1,5m - Phụ kiện đi kèm	Việt Nam	02
2	Động cơ quạt hút	- Type: Y3-250M-2 B3 - Vỏ quạt: thép CT3 dày 3mm - Motor chính: 55kW, 3 pha, 2P, 50Hz, 2970 rpm - Phụ kiện đi kèm	GuangLu-Trung Quốc	01
II	Công đoạn sấy			
1	Cyclone ø1.900	- Chung loại: cyclone khô - Kích thước: RxH = 1,9mx5,5m - Vật liệu: thép CT3 dày 4mm - Cửa thăm và làm vệ sinh túi: 0,95x1,5m - Phụ kiện đi kèm	Việt Nam	02
2	Động cơ quạt hút	- Type: Y3-250M-2 B3 - Vỏ quạt: thép CT3 dày 3mm	GuangLu-Trung Quốc	01

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Thông số/công suất	Thương hiệu/xuất xứ	Số lượng (bộ)
		- Motor chính: 75kW, 3 pha, 2P, 50Hz, 2970 rpm - Phụ kiện đi kèm		
III	Công đoạn nghiền tinh			
1	Cyclone ø1.600	- Chung loại: cyclone khô - Kích thước: RxH = 1,6mx3,35m - Vật liệu: thép CT3 dày 4mm - Cửa thăm và làm vệ sinh túi: 0,8x1,5m - Phụ kiện đi kèm	Việt Nam	01
2	Cylone lắng bụi có lắp đặt túi lọc bụi	- Kích thước: ø2.000x5.000 - Thân lọc bụi: thép CT3 dày 4mm - Túi lọc: 130x2.400 (55 túi) - Rọ lọc bụi: 125x2.400 (55 rọ) - Van màng giữ bụi: 8 cái ø34 - Bo mạch PLC điều khiển giữ bụi tự động - Bầu tích khí: ø300x2.000 - Cửa thăm và làm vệ sinh túi 550x550	Việt Nam	01
3	Động cơ quạt hút	- Type: Y3-200L2-2 B3 - Vỏ quạt: thép CT3 dày 3mm - Motor chính: 22kW, 3 pha, 2P, 50Hz, 2.950 rpm - Phụ kiện đi kèm	GuangLu-Trung Quốc	01
IV	Công đoạn ép viên			
1	Cyclone ø1600	- Chung loại: cyclone khô - Kích thước: RxH = 1,6mx3,35m - Vật liệu: thép CT3 dày 4mm - Cửa thăm và làm vệ sinh túi: 0,8x1,5m - Phụ kiện đi kèm	Việt Nam	01
2	Cylone lắng bụi có lắp đặt túi lọc bụi	- Kích thước: ø1.890x6.100 - Thân lọc bụi: thép CT3 dày 4mm - Túi lọc: 130x2.400 (64 túi) - Rọ lọc bụi: 125x2.400 (64 rọ) - Van màng giữ bụi: 7 cái ø34 - Bo mạch PLC điều khiển giữ bụi tự động - Bầu tích khí: ø300x2.000 - Cửa thăm và làm vệ sinh túi 550x550	Việt Nam	01

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Thông số/công suất	Thương hiệu/xuất xứ	Số lượng (bộ)
3	Động cơ quạt hút	- Vỏ quạt: thép CT3 dày 3mm - Motor chính: 30kW, 3 pha, 2P, 50Hz, 2.950 rpm. - Phụ kiện đi kèm	GuangLu-Trung Quốc	01
V	Công đoạn làm mát			
1	Cyclone ø1.900	- Chủng loại: cyclone khô - Kích thước: RxH = 1,9mx5,5m - Vật liệu: thép CT3 dày 4mm - Cửa thăm và làm vệ sinh túi: 0,95x1,5m - Phụ kiện đi kèm	Việt Nam	01
2	Động cơ quạt hút	- Kiểu quạt trung áp - Vỏ: thép CT3 dày 3mm - Cánh: thép CT3 dày 4mm - Motor chính: 11kW, 3 pha, 4P - Phụ kiện đi kèm	GuangLu-Trung Quốc	01
VI	Công đoạn sàng viên, đóng gói			
1	Cyclone ø1.600	- Chủng loại: cyclone khô - Kích thước: RxH = 1,6mx3,35m - Vật liệu: thép CT3 dày 4mm - Cửa thăm và làm vệ sinh túi: 0,8x1,5m - Phụ kiện đi kèm	Việt Nam	02
2	Động cơ quạt hút	- Vỏ: thép CT3 dày 3mm - Cánh: thép CT3 dày 4mm - Động cơ 38kW, 3 pha, 2P - Phụ kiện đi kèm	GuangLu-Trung Quốc	01
VII	Nhà xử lý bụi			
1	Nhà xử lý bụi	- Kích thước LxBxH: 9,9x4,4x5,95m - Vật liệu nền: bê tông đá 1x2, M250, lót bạc nilong. - Vật liệu tường: Gạch thẻ 20x10, trát vữa xi măng. - Ống thải: cao 5m.	Việt Nam	01

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: tối đa 06 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý công trình xử lý chất thải:

Vị trí	Thông số	Tần suất	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
Ống thải 01 (ống thải khí thải tại công đoạn nghiền thô)	Bụi tổng, SO ₂ , CO, NO _x (tính theo NO ₂), lưu lượng	Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo)	Mẫu đơn	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTN MT (giá trị C _{max} , cột B, K _p =0,8; K _v =1,0).
Ống thải 02 (ống thải khí thải tại công đoạn sấy)	Bụi tổng, SO ₂ , CO, NO _x (tính theo NO ₂), lưu lượng	Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo)		
Ống thải 03 (ống thải khí thải tại công đoạn nghiền tinh)	Bụi tổng, SO ₂ , CO, NO _x (tính theo NO ₂), lưu lượng	Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo)		
Ống thải 04 (ống thải khí thải tại công đoạn ép viên)	Bụi tổng, SO ₂ , CO, NO _x (tính theo NO ₂), lưu lượng	Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo)		
Ống thải 05 (ống thải khí thải tại nhà xử lý bụi)	Bụi tổng, SO ₂ , CO, NO _x (tính theo NO ₂), lưu lượng	Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo)		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 63/GPMT-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2025
của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: từ hoạt động của máy móc, thiết bị tại các nhà xưởng, phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ (theo hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°) như sau:

Mốc	Tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
M1	1.791.865,34	576.021,97
M2	1.791.846,60	576.125,15
M3	1.791.812,15	576.161,45
M4	1.791.797,78	576.183,50
M5	1.791.767,26	576.197,05
M6	1.791.753,94	576.194,29
M7	1.791.723,38	576.185,32
M8	1.791.698,58	576.184,96
M9	1.791.729,00	576.133,00
M10	1.791.738,00	576.079,00
M11	1.791.726,42	576.001,40
M12	1.791.724,63	575.936,33
M13	1.791.696,66	575.894,99
M14	1.791.715,00	575.874,00
M15	1.791.697,00	575.846,00
M16	1.791.726,21	575.835,04
M17	1.791.755,99	575.829,93
M18	1.791.778,66	575.907,55

Mốc	Tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°	
	X (m)	Y (m)
M19	1.791.822,24	576.017,66

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, bịt tai, nút tai chống ồn cho công nhân làm việc tại khu vực sản xuất, khu vực có mức ồn và độ rung lớn.

- Bố trí các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh tình trạng các máy hoạt động cùng một lúc để giảm tác động cộng hưởng tiếng ồn.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị; kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.

- Lắp đặt đệm cao su, lò xo chống rung,... đối với các thiết bị rung công suất lớn.

- Trồng cây xanh tạo vành đai cây xanh xung quanh khuôn viên dự án đáp ứng tỷ lệ quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 63/GPMT-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2025
của UBND thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Trong quá trình hoạt động, dự án có thể phát sinh các loại chất thải nguy hại (CTNH) với chủng loại và khối lượng ước tính như sau:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06
2	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	15	18 02 01
3	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	15	16 01 08
4	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Lỏng	10	08 03 01
5	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẫu, gỗ thừa và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	20	09 01 01
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	15	17 02 03
Tổng cộng			85	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh

1.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng chất thải rắn (CTR) sinh hoạt phát sinh khoảng 16 kg/ngày.

1.2.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng CTR công nghiệp thông thường ước tính phát sinh được tổng hợp tại bảng sau:

Stt	Tên gọi	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)	Mã CTRTT
1	Tro đáy, xỉ (từ lò đốt cấp nhiệt sấy liệu)	Rắn	50	04 02 06

Stt	Tên gọi	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)	Mã CTRTT
2	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, vụn và gỗ dán vụn thải khác (thu hồi từ các cyclone)	Rắn	2.000	09 01 03
3	Bùn chứa sợi gỗ phát sinh từ quá trình tách cơ học (thu hồi từ nhà xử lý bụi)	Rắn/bùn	2.000	09 03 06
	Tổng cộng		4.050	

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí kho chứa CTNH (diện tích 10m²) gần khu vực xưởng sửa chữa máy móc tại trung tâm dự án, có mái che, nền tráng xi măng chống thấm. Bố trí 06 thùng nhựa PVC (thể tích 60 lít/thùng) để lưu giữ CTNH.

- CTNH được phân loại và bỏ theo từng thùng có dán nhãn cảnh báo, trên đó có ghi rõ tên, loại, ký hiệu CTNH; các thùng chứa đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ CTNH của dự án theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Chủ dự án thực hiện phân loại rác tại nguồn theo 04 nhóm theo đúng quy định của UBND thành phố: nhóm tái chế, tái sử dụng (giấy các loại, nhựa các loại, kim loại các loại, thủy tinh các loại); nhóm chất thải thực phẩm; nhóm chất thải nguy hại (pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang, thiết bị điện tử hỏng, các loại chất thải nguy hại khác); nhóm chất thải còn lại (không bao gồm chất thải xây dựng và xác chết động vật nuôi). Trong đó nhóm chất thải nguy hại (pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang, thiết bị điện tử hỏng, các loại chất thải nguy hại khác) được đưa về thu gom chung và lưu chứa chung với các loại CTNH khác tại kho chứa CTNH.

- Bố trí 03 thùng bằng nhựa HDPE (thể tích 120 lít/thùng) tại điểm tập kết để lưu giữ CTR sinh hoạt.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Tro đáy, xỉ được tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng khuôn viên dự án, phần còn lại được vận chuyển về khu vực tập kết CTR công nghiệp thông

thường phía Tây của nhà xưởng, Chủ dự án cam kết hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng khi bãi tập kết không đảm bảo sức chứa.

- Mùn cưa, phoi bào, gỗ thừa (thu hồi từ các cyclone) sẽ được tái sử dụng toàn bộ làm nguyên liệu đầu vào cho dây chuyền sản xuất.

- Bùn chứa sợi gỗ thu hồi từ nhà xử lý bụi sẽ được công nhân định kỳ 02 tuần/lần tiến hành thu gom bằng xe rửa đẩy ra sân trống để phơi khô; trường hợp khi thời tiết mưa bão, chất thải rắn này sẽ được phơi khô trong nền xưởng có mái che, đảm bảo không làm phát sinh nước thải từ quá trình phơi khô. Bùn sau phơi khô được mang trộn với mùn cưa để dùng làm nguyên liệu đốt cho lò sấy của dây chuyền sản xuất.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, dụng cụ chữa cháy

- + Chủ dự án lập phương án phòng cháy chữa cháy (PCCC) của dự án; xây dựng đường cho xe chữa cháy; hệ thống chữa cháy bằng nước (trong nhà, ngoài nhà, sprinkler); hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chống sét và nối đất; hệ thống thoát nạn, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn,...

- + Trang bị các biển báo cấm lửa, các tiêu lệnh chữa cháy và các thiết bị, phương tiện chữa cháy khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Ngăn bụi tích tụ

- + Gom mùn cưa và các loại gỗ thừa lại một chỗ bằng cách sử dụng máy hút bụi và máy thổi chuyên dụng.

- + Bộ lọc không khí cũng sẽ là một thiết bị hữu hiệu cho việc lọc bụi, giúp không khí sạch hơn và giúp bạn có thể bảo vệ phổi, ngăn ngừa các vấn đề về sức khỏe.

- + Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh xưởng để tránh bụi bản tích tụ lâu ngày. Không nên sử dụng máy nén khí để thổi bụi bản, mùn cưa vì điều này sẽ tạo ra một vùng bụi lớn tồn tại trong không khí.

- Cất giữ và loại bỏ các chất dễ cháy

- + Các chất kết dính, dung môi như cồn, xăng bỏ trong thùng kín tránh tiếp xúc với các tia lửa bên ngoài.

- + Mùn cưa, các loại bao bì và bìa các tông có ở khắp nơi trong xưởng, tập trung lại một chỗ cách xa vị trí của xưởng vì các loại vật liệu này là nguyên nhân hàng đầu gây ra các sự cố cháy nổ.

- + Nghiêm cấm hút thuốc trong nhà xưởng sản xuất, khu vực lưu trữ máy móc, bãi chứa nguyên liệu không để phát sinh tia lửa điện.

- Chuẩn bị phương án đối phó với hỏa hoạn
- + Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy, đặc biệt là khu vực nhà xưởng sản xuất.
- + Xây dựng nội quy, quy chế an toàn phòng chống cháy nổ treo nơi dễ nhìn thấy; thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.
- + Phối hợp với cảnh sát PCCC, tổ chức thường xuyên các đợt tập huấn chữa cháy cho công nhân, nêu chi tiết các nhiệm vụ mà người lao động thực hiện khi xảy ra sự cố cháy nổ.
- + Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các loại máy móc trong dự án.
- + Đối với an toàn điện: hoạt động sản xuất sử dụng điện với công suất lớn, do đó công tác bảo đảm an toàn về điện rất được chú trọng. Ngoài các biện pháp tổ chức, quản lý và phân công trách nhiệm rõ ràng, Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Lắp đặt hệ thống điện theo đúng quy định và đúng kỹ thuật.
- Đóng ngắt điện đúng quy trình.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, các phụ tải và hệ thống bảo vệ, hệ thống bao che an toàn thiết bị điện.
- Trang bị thiết bị đúng tiêu chuẩn chất lượng và hoạt động đúng công suất.
- Xây dựng nội quy về an toàn sử dụng điện, phổ biến một số hiểu biết cơ bản về an toàn điện cho nhân viên.
- Tính toán trang bị dây dẫn điện phù hợp với nhu cầu sử dụng.

2. Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông

a. Giảm thiểu các sự cố về tai nạn lao động

- Tổ chức huấn luyện, giáo dục về công tác an toàn vệ sinh lao động cho nhân viên.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các nội quy kỷ luật lao động, an toàn vệ sinh lao động, các quy trình quy phạm. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân thiếu ý thức chấp hành hoặc vi phạm nội quy kỷ luật.
- Tiến hành cứu chữa các ca tai nạn lao động nhẹ và sơ cứu các ca tai nạn nghiêm trọng trước khi chuyển về bệnh viện.
- Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động về công tác bảo hộ lao động. Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân như: ủng, giày, găng tay, kính, khẩu trang, nút chống tiếng ồn, áo quần bảo hộ lao động,...

- Giám sát môi trường lao động định kỳ và khám sức khỏe định kỳ để phát hiện sớm các bệnh nghề nghiệp và các bệnh truyền nhiễm cho người lao động.

- Sử dụng các phương tiện thiết bị thi công hiện đại nhằm hạn chế khả năng xảy ra tai nạn lao động.

- Trang bị tủ thuốc lưu động, cung cấp các túi thuốc cấp cứu, cứu thương cho công nhân.

- Theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.

b. Giảm thiểu các sự cố về tai nạn giao thông

- Không chở vật tư, nguyên vật liệu quá tải, cồng kềnh. Các xe chuyên chở nguyên vật liệu được buộc chặt khi vận chuyển.

- Xe và máy móc thiết bị thi công đảm bảo kỹ thuật, thực hiện tốt công tác kiểm định, duy tu, bảo dưỡng.

- Xe vận chuyển, xe máy công nhân và máy móc thiết bị thi công không đậu đỗ lấn chiếm lòng đường.

- Quy định thời gian vận chuyển và vận tốc hợp lý đối với các phương tiện để tránh ùn tắc vào giờ cao điểm đặc biệt là các khu vực đông dân cư, trường học,...

3. Sự cố tại hệ thống xử lý khí thải

a. Phương án phòng ngừa

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp:

- + Quạt hút không làm việc (không quay): kiểm tra nguồn điện, cáp điện.

- + Quạt hút làm việc nhưng có tiếng kêu gầm, rung lắc mạnh: kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện; tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh quạt khí; châm dầu mỡ cho vòng bi hoặc thay mới; nắn lại, thay mới.

- + Quạt hút hoạt động nhưng không có khí thoát ra: đảo lại chiều quay; kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới; kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại.

- + Lưu lượng khí của quạt hút bị giảm: kiểm tra, khắc phục lại; kiểm tra nguồn điện và khắc phục, nắn lại, thay mới.

- + Quạt hút làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy: tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp; làm khô nâng cao độ cách điện; phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục, cân chỉnh lại đúng vào vị trí.

- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

- Khi gặp phải sự cố về độ ẩm của nhiên liệu: không đưa nhiên liệu bị ướt vào lò vì trong quá trình cháy, lượng nước trong nhiên liệu bay hơi sẽ làm nguội bề mặt cháy, gây cản trở cho việc bay hơi chất bốc trong nhiên liệu, làm buồng đốt phát sinh nhiều khói.

- Dự án đã tiến hành phơi, bố trí kho chứa gỗ nguyên liệu với kết cấu mái che bằng tôn, phủ bạt khu vực bãi chứa để nguyên liệu hạn chế tiếp xúc với môi trường có nước, tránh trường hợp khi sấy làm khí thải ra ống khói có hiện tượng màu trắng.

b. Phương án ứng phó

Hệ thống các cyclone, túi lọc bụi hoạt động song hành cùng dây chuyền sản xuất viên nén, khi một trong các hệ thống này gặp sự cố, toàn bộ dây chuyền sản xuất sẽ được ngưng hoạt động để tiến hành kiểm tra khắc phục sự cố. Khi hoàn thành công tác kiểm tra khắc phục sự cố của hệ thống xử lý bụi sẽ tiến hành tiếp tục dây chuyền sản xuất.

4. Sự cố về kỹ thuật

- Ngưng hoạt động các máy móc, thiết bị khi nhận thấy có các dấu hiệu hư hỏng, trục trặc và khi sửa chữa.

- Cấm biển báo nguy hiểm khi tiến hành sửa chữa.

- Thông báo cho các công nhân được biết về thời gian bảo trì máy móc, thiết bị trong dự án.

5. Sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm

- Lựa chọn nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc rõ ràng, kiểm tra chặt chẽ. Tuyệt đối không sử dụng các loại nguyên liệu có màu sắc lạ, ương, thối.

- Sử dụng găng tay trong quá trình chế biến thức ăn.

- Tổ chức ăn uống hợp vệ sinh và được kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm thường xuyên.

- Vệ sinh khu vực bếp hằng ngày, thu gom chất thải đúng nơi quy định./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 63/GPMT-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2025
của UBND thành phố)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty TNHH Renen chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025).

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.